

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- Đ
TỈNH □

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07/8/2025

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- Đ, TỈNH Đ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiêng
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lương Văn Đoản - Thẩm tra
viên Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ

Ngày **07 tháng 08 năm 2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ, tỉnh Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXX-ST ngày 29/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐ-HPT ngày 10/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N - Sinh năm: 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, (nay là phường M), tỉnh Đ
2. Bị đơn: Anh Lò Văn V - Sinh năm: 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Bản N 1, xã N, thành phố Đ, (nay là xã N), tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/02/2025 đơn sửa đổi bổ sung và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ, chị Hoàng Thị N (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn V tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, (nay là phường M), tỉnh Đ vào ngày 26/8/2019. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Kết hôn và chung sống tại nhà ngoại bản K, phường N, thành phố tỉnh Đ. (nay là phường M) sau một thời gian dài chung sống xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh V bị nghiện rượu không tu chí làm ăn, không chịu đi làm thuê để lo kinh tế gia đình cùng tôi, anh còn thường xuyên bạo hành tôi ngày nào cũng uống rượu không chia sẻ công việc gia đình không chăm lo con cái.

Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng anh V vẫn vậy không thay đổi còn tiếp tục uống rượu nhiều hơn. Kể từ tháng 3 năm 2022, tôi và anh V đã ly thân, không còn quan tâm, thăm nom gì nhau. Anh V bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại bản N 1, xã N cho đến nay.

Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh V

2. Về con chung: Tôi và anh V có 01 con chung là cháu Lò Hoàng Quỳnh N sinh ngày 19/11/2019. Tôi có nguyện vọng được nuôi và chăm sóc cháu N cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 26/3/2025, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thành phố Đ (nay là khu vực 1- Đ) đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị N cho anh V được biết, giao Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh V Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh V không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án hợp lệ cho anh V, nhưng anh V vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 29/5/2025 Tòa án nhân dân Thành phố Đ (nay là toà khu vực 1- Đ) đã ra Quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh V nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh V đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hoàng Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh Lò Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại bản N 1, xã N, thành phố Đ, (nay là xã N), tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc anh V không thực hiện

quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70;72/BLTTDS là do anh V đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn V và chị Hoàng Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Đ (nay là phường M), tỉnh Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị N và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do trưởng bản Khá, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh V và chị N tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, anh V bị nghiện rượu không tu chí làm ăn, không chịu đi làm thuê để lo kinh tế gia đình cùng, còn thường xuyên bạo hành chị N ngày nào cũng uống rượu không chia sẻ công việc gia đình không chăm lo con cái. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng anh V vẫn vậy không thay đổi còn tiếp tục uống rượu nhiều hơn. Kể từ tháng 3 năm 2022, vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm, thăm nom gì nhau. Anh V bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại bản N 1, xã N cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh V cũng không có ý kiến gì.

Bản thân chị N xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị N và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do hai anh chị đã sống ly thân hơn 5 năm nay. Bản thân anh V không có ý định hàn gắn tình cảm đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị N cùng các con. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nhung xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Lò Văn V.

[3]. Về con chung: Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Hoàng Quỳnh N sinh ngày 19/11/2019. cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Xét thấy hiện tại chị N mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung bởi cháu đang lứa tuổi vị thành niên, xét theo nguyện vọng của chị N do cháu N còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND Phường N (nay là phường M) do anh V thường xuyên uống rượu bị nghiện rượu không tu chí làm ăn. Hai anh chị đã ly thân từ năm 2022. Chị Nhung đã 01 mình chăm sóc con. Anh V đã bỏ về bản N 1 sinh sống cùng mẹ đẻ. Như vậy không đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. HĐXX căn cứ

Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị N. Giao con cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh V có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị N.

[5]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lò Văn V

2. Về con chung: Chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng con chung cháu Lò Hoàng Quỳnh N sinh ngày 19/11/2019 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp d-ỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; diện tích ruộng, nương, Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị Nhung đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0001183 ngày 26/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ) (chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh Đ
- VKS khu vực 1-ĐB
- THADS Tỉnh ĐB
- UBND phường M
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Kế toán, vp

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hà Hoàng Thị Thái

Bạc Thị Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố ĐBP;
- Chi cục THADS thành phố ĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Nhạn;
- Lưu hs./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hà Lò Thị Hiền

Bạc Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hiền Lò Thị Hiền

Bạc Thị Liên